

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT đoạn Km6+500-Km7+550 và xử lý nút giao Km7+400 (Hát Lót - Mường Bú), ĐT.110

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh và vận hành, khai thác bến phà Nậm É, ĐT.116 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1283/TTr-SGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT đoạn Km6+500-Km7+550 và xử lý nút giao Km7+400 (Hát Lót - Mường Bú), ĐT.110.

2. Quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu: Sửa chữa hệ thống thoát nước và bổ sung hệ thống ATGT nhằm cải thiện điều kiện khai thác của đoạn tuyến, nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Tuân thủ quy mô hiện trạng tuyến đường đang khai thác.

4.3. Giải pháp sửa chữa chủ yếu: Trên cơ sở nền, mặt đường hiện tại, sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường, sau đó thảm mặt đường bằng bê tông nhựa; sửa chữa hệ thống thoát nước, hệ thống công trình an toàn giao thông và xử lý nút giao Km7+400, tổng chiều dài sửa chữa $L=1.067,03\text{m}$, cụ thể:

a) Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường

- Các đoạn mặt đường bị bong bật, rạn nứt, lún lõm: Bù vênh kết hợp tăng cường lớp đá dăm nước (*lớp trên*) dày trung bình 15cm, trên láng nhựa 01 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,8kg/m² và vuốt nối êm thuận; diện tích 2.885,32m².

- Các đoạn mặt đường bị rạn nứt, lún võng, hư hỏng nặng: Bù vênh kết hợp tăng cường lớp đá dăm nước (*lớp dưới dày trung bình 15cm, lớp trên dày trung bình 15cm*), trên láng nhựa 01 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,8kg/m² và vuốt nối êm thuận; diện tích 2.771,25m².

- Các vị trí hư hỏng dạng cao su mặt và nền đường cục bộ: Đào bỏ toàn bộ lớp kết cấu bị hư hỏng (*chiều sâu trung bình dự kiến 35cm*) và lớp đất yếu dưới khuôn (*chiều sâu trung bình 34,5cm đối với các vị trí xen kẽ với kết cấu sửa chữa mặt đường bị lún võng cục bộ, rạn nứt, hư hỏng nhẹ; chiều sâu trung bình 20cm đối với các vị trí xen kẽ với kết cấu sửa chữa mặt đường bị bong bật, rạn nứt, lún lõm*); hoàn trả bằng kết cấu từ dưới lên như sau: Đắp hoàn trả lớp đất yếu bị đào bỏ, lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$; thi công hoàn trả lớp móng đá dăm nước dày 40cm (*lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 25cm*), trên láng nhựa 01 lớp tiêu chuẩn nhựa 1,8kg/m²; diện tích 1.438,98m².

- Phần lề đường tiếp giáp với rãnh dọc: Đào khuôn chiều sâu trung bình 40cm (*phù hợp với cao độ từng vị trí được tăng cường mặt đường*); hoàn trả bằng kết cấu từ dưới lên như sau: Xáo xới lu lèn lớp đáy móng đạt $K \geq 0,98$, thi công lớp móng đá dăm nước dày 40cm (*lớp trên dày 15cm, lớp dưới dày 25cm*), trên láng nhựa 01 lớp TCN 1,8kg/m²; diện tích: 3.997,92m².

- Trên toàn bộ mặt đường sau khi sửa chữa hư hỏng và gia cố lề như trên, tiến hành: Vệ sinh, tưới dính bám nhũ tương (CRS-1) TCN 0,5kg/m², bù vênh trung bình dày 1,0cm BTNC16 rải kết hợp với 5cm lớp BTNC16 trên diện tích 437,89m²; rải lớp BTNC16 dày 5cm trên diện tích 11.531,36m².

- Phần lề đường tiếp giáp với hai bên tường cánh cổng được gia cố bằng BTXM M250 dày 20cm để chống xói lở và đảm bảo thoát nước; diện tích 12,70m².

b) Xử lý nút giao ngã ba Km7+400

- Phần đảo tam giác: Sửa chữa, thu nhỏ kích thước đảo để mở rộng phần xe chạy nhằm tạo không gian cho các phương tiện ra vào nút, phân định rõ làn xe rẽ để tạo điều kiện thoát nhanh cho phương tiện qua nút. Cấu tạo đảo được định ranh giới phía ngoài bằng bó vỉa kích thước (100x45x20)cm kết cấu BTXM M200 lắp ghép, bên trong đảo đắp đất đầm chặt, đầu tam giác của đảo được vẽ tròn bán kính R=75cm.

- Sửa chữa các hư hỏng mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông tại nút giao, giải pháp đồng bộ với tuyến chính.

c) Sửa chữa rãnh thoát nước dọc

- Đoạn qua khu đông dân cư: Sửa chữa, gia cố rãnh dọc kín hình chữ nhật kích thước (60x80)cm và (100x100)cm, kết nối đồng bộ với hệ thống thoát nước hiện tại, kết cấu bằng BTCT M200, tấm đan rãnh bằng BTCT M250 lắp ghép; chiều dài rãnh L=2.198,47m.

- Tại các vị trí Km7+147,88 và Km7+296,82, bên phải tuyến có khe nước chảy về mùa mưa, bố trí hồ thu nước, kết cấu bằng BTXM M200 để thu nước chảy về hệ thống rãnh dọc.

d) Cổng thoát nước ngang đường

- Sửa chữa, thay thế cổng bản cũ $L_o=0,75m$ bị hư hỏng tại Km6+799,63 bằng cổng bản $L_o=1,0m$; xây dựng mới cổng bản $L_o=1,0m$ tại Km7+445,41 để thoát nước cho khu vực nút giao; kết cấu cổng như sau: Bản cổng bằng BTCT M300, mũ mố bằng BTCT M250 đổ tại chỗ, thân cổng, móng cổng, tường cánh, sân cổng,... bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.

- Sửa chữa, thay thế cổng tròn cũ $D=1,0m$ bị hư hỏng tại Km7+217,88 bằng cổng tròn $D=1,5m$; kết cấu cổng như sau: Ống cổng lắp ghép BTCT M250, thân cổng, móng cổng, tường cánh, tường đầu, sân cổng,... bằng BTXM M200 đổ tại chỗ.

e) Hệ thống an toàn giao thông: Sửa chữa, lắp đặt cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo, tiêu phản quang, tôn lượn sóng, sơn kẻ vạch phù hợp với mặt đường sau khi sửa chữa và đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

f) Khối lượng và các chi tiết cụ thể: Theo hồ sơ thiết kế được Sở GTVT thẩm định tại Kết quả thẩm định số 1281/SGTVT-QLCL ngày 25/4/2024.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án (Báo cáo kinh tế – kỹ thuật)

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La;

- Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Kỹ sư Nguyễn Trung Hiếu.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Diện tích đất sử dụng: Trong phạm vi đường cũ đang khai thác và hành lang đường bộ.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;
- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Đường ô tô cấp IV;
- Thời hạn sử dụng công trình chính: Theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 8863:2011 Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 Lốp kết cấu áo đường đá dăm nước - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 7570:2006 Yêu cầu kỹ thuật cốt liệu cho bê tông và vữa;
- TCVN 1651-1:2018; 1651-2:2018 Thép cốt bê tông;
- TCVN 8818-1:2011 Nhựa đường lỏng - Phần 1 - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2011 Yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông;
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 14.491.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu đồng).

Trong đó:

- | | | |
|--------------------|---|----------------------|
| - Chi phí xây dựng | : | 13.182.421.000 đồng; |
| - Chi phí QLDA | : | 281.206.000 đồng; |
| - Chi phí tư vấn | : | 864.541.000 đồng; |
| - Chi phí khác | : | 153.848.000 đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : | 8.984.000 đồng. |

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải (Chủ đầu tư):

- Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung hồ sơ, quy trình, kết quả thẩm định dự án theo quy định;
- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả, tiến độ thời gian, tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành.

2. UBND huyện Mai Sơn có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong quá trình triển khai dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, P.KT);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh